

Bản án số: 429/2023/DS-PT

Ngày: 31-8-2023

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Các thẩm phán: Ông Đinh Như Lâm
Ông Lê Thanh Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương - Thẩm tra viên chính
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 315/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT13, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 365/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **PVC1**, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Thôn 5, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C1: Ông **PVT2**, sinh năm 1964. Trú tại: thôn 1, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2022. ***Có mặt.***

Bị đơn: Ông **NSH3**, sinh năm 1959; ***Có mặt.***

Địa chỉ: Thôn 5, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **BTN4**, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Thôn 5, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N4: Ông **PVT2**, sinh năm 1964. Trú tại: thôn 1, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2022. ***Có mặt.***

2. Bà **BTL5**, sinh năm 1937;

*Người đại diện theo ủy quyền của bà L5: Ông **NSH3**, sinh năm 1959. Trú tại: thôn 5, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 06/12/2022. Có mặt.*

3. Bà **BTN6**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn 5, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà N6: Ông **NSH3**, sinh năm 1959. Trú tại: thôn 5, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 27/7/2023. Có mặt.*

4. Bà **NTAL7**, sinh năm 1963; *Có mặt.*

Trú tại Thôn PĐ14, xã CK15, huyện TT13, thành phố Hà Nội.

5. Bà **NTTL8**, sinh năm 1965; *Xin vắng mặt.*

Trú tại: Khu P16, thị trấn LQ17, huyện TT13, thành phố Hà Nội.

6. Ông **NVL9**, sinh năm 1968; *Xin vắng mặt.*

Trú tại: Khu tập thể Công ty CP phân lân VĐ18, huyện TT19, thành phố Hà Nội.

7. Ông **NVT10**, sinh năm 1969;

Trú tại Thôn PT20, xã BY21, huyện TT13, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T10: Ông **NSH3**, sinh năm 1959. Trú tại: thôn 5, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2023. Có mặt.*

8. Ông **NVH11**, sinh năm 1976; *Xin vắng mặt.*

Trú tại: Thôn HL22, xã BY21, huyện TT13, thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của ông NSH3 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2021 cùng các tài liệu được cung cấp của nguyên đơn là ông PVC1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Gia đình ông có thửa đất do tổ tiên để lại đã được UBND huyện TT13 cấp giấy CNQSDĐ ngày 20/7/2007, số AH 801261 mang tên ông PVC1 và bà BTN4 thửa số 51, tờ bản đồ số 18, diện tích 1076m² tại địa chỉ thôn 8, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội. Gia đình ông NSH3 cũng có thửa đất liền kề do ông cha để lại, hai hộ gia đình vẫn sử dụng ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp gì, đến tháng 6/2020 gia đình ông H3 đào móng xây dựng công trình vệ sinh giáp phần tường hậu khu công trình chăn nuôi nhà ông thì ông phát hiện ông H3 đã xây lấn sang phần đất nhà ông nên ông đã đề nghị ông H3 tạm dừng xây dựng để xác định lại mốc giới, nhưng ông H3 vẫn tiếp tục xây dựng, ông C1 đã làm đơn đề nghị UBND xã HB12 xem xét. Ngày 28/9/2020, tổ công tác của UBND xã HB12

tiến hành kiểm tra thực địa và kết luận gia đình ông H3 đã xây lấn sang phần đất nhà ông khoảng 0,8m² và yêu cầu ông H3 tạm dừng thi công công trình, nhưng ông H3 không chấp hành vẫn cho rằng phần đất đó là của gia đình ông H3. Do vậy, ông đã làm đơn đề nghị Tòa án xem xét xác định mốc giới cho gia đình ông theo đúng giấy CNQSDĐ đã được nhà nước cấp và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông NSH3 trình bày:

Gia đình ông có thửa đất nguồn gốc của ông cha để lại đến nay là đời thứ 6, năm 2007 được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AH 777556, mang tên ông NVĐ23 và bà BTL5 (bố mẹ ông). Gia đình ông C1 cũng có nguồn gốc từ xa xưa, 2 gia đình ở gần nhau từ trước tới nay không có điều tiếng gì. Năm 2020 ông nghỉ hưu nên quy hoạch lại khuôn viên, trước khi xây dựng công trình tiếp giáp phần đất nhà ông C1, ông có bàn bạc với mẹ ông xuống trao đổi với vợ chồng ông C1 đổi phần ngõ đi cho ông C1 phía giáp nhà ông ra cổng Làng, để thuận lợi cho cả 2 bên nhưng ông C1 không đổi nên ông đã căn theo mốc giới tường bao nhà ông C1 đã xây dựng bằng đá ong từ trước những năm 2000, ông chỉ xây dựng trên phần đất trống không động chạm gì đến phần móng và tường bao nhà ông C1. Trong khi xây dựng thì anh T2 con ông C1 cho rằng ông đã lấn chiếm sang phần đất nhà ông C1 diện tích khoảng 0,8m² sau đó ông C1 làm đơn lên UBND xã, UBND xã cho cán bộ chuyên môn đến lấy thước dây đo đạc sau đó kết luận là ông đã lấn chiếm. Ông không đồng ý với cách làm việc và giải quyết của UBND xã nên ông chưa đồng ý vì làm việc không theo đúng trình tự. Ông không nghĩ là ông C1 đã làm đơn đến Tòa vì thực tế diện tích đất không đáng bao nhiêu, mặt khác gia đình ông C1 đã có tường bao xây dựng từ trước, nay ông quy hoạch xây dựng hết diện tích đất cho gọn theo khuôn viên từ trước đến nay. Sau khi được cấp GCNQSDĐ ông vẫn nghĩ là phần tiếp giáp đó là của gia đình, nếu như theo sổ đỏ được cấp từ năm 2007, giữa gia đình ông và gia đình ông C1 có bị chồng lấn lên nhau thì đề nghị cơ quan chuyên môn chức năng xem xét cụ thể và giải quyết theo quy định của pháp luật xong phải xem xét thực tế sử dụng từ trước tới nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà BTN4 là mẹ đẻ ông T2 ủy quyền cho ông T2 tham gia tố tụng giải quyết: nhất trí với các ý kiến của nguyên đơn đã trình bày.

- Ông NVĐ23 (đã mất), bà BTL5 (mẹ đẻ của ông H3) và bà BTN6 (vợ của ông H3) đều ủy quyền cho ông NSH3 tham gia tố tụng giải quyết và nhất trí với ý kiến như ông đã trình bày.

Tại phiên tòa: Đại diện của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác nhận mốc giới cho gia đình nguyên đơn theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được nhà nước cấp và buộc gia đình ông H3 lấn sang phần nào thì phải tháo dỡ bỏ toàn bộ trả lại đất cho gia đình nguyên đơn. Nguyên

đơn không có ý kiến gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả đo đạc.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa xem xét tình hình thực tế các bên đã sử dụng ổn định từ trước đến nay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT13, Hà Nội đã xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông PVC1 về việc xác định mốc giới cụ thể như sau:

Xác định mốc giới ngăn cách giữa hộ gia đình ông PVC1 và hộ gia đình ông NSH3 là các điểm mốc được đánh số thứ tự từ số 1 đến số 5 là một đoạn đường thẳng có các tọa độ cụ thể: Số 1 trục X(M) có tọa độ: 480406.34; trục Y(M) có tọa độ: 2322949.45. Số 5 trục X(M) có tọa độ: 480406.23; trục Y(M) có tọa độ: 2322940.70.

1.2. Buộc gia đình ông NSH3 phải tháo dỡ phần công trình phụ đã xây dựng lên phần đất nhà ông PVC1 có chiều dài các cạnh từ điểm 8 đến 8a dài 4m, từ 8a đến 8b dài 0.35m, từ 8b đến 8 dài 4,01m. Tổng diện tích là 0.7m². Theo chiều thẳng đứng từ trên không gian xuống dưới lòng đất. *(có sơ đồ cụ thể kèm theo)*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ông NSH3 là bị đơn trong vụ án kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị đơn đề nghị đo đạc lại hiện trạng thửa đất; Cung cấp các bản ảnh thực trạng phần diện tích đất tranh chấp.

Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã bổ sung hàng thừa kế thứ nhất của ông NVĐ23 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan bao gồm bà NTAL7; bà NTTL8, ông NVL9; ông NVT10 và ông NVH11 và có ý kiến: Các ông bà không liên quan đến việc tranh chấp mốc giới với gia đình ông PVC1 và cũng không xây dựng trên phần đất tranh chấp mà hoàn toàn do ông Hà xây. Về đất bố các ông bà để lại từ xưa diện tích như thế nào thì đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện tại đất này vẫn đứng tên bố mẹ ông bà và chưa chia cho ai. Việc ông PVC1 khởi kiện ông NSH3 không liên quan đến các ông bà, các ông bà cũng không có yêu cầu gì và đề nghị không tham gia vụ án, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án và không cung cấp được các chứng cứ mới gì khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT13, thành phố Hà Nội theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông NSH3 kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Về người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất đang tranh chấp đứng tên ông NVĐ23, ông Đ23 mất năm 2012. Cấp sơ thẩm đã không đưa các con ông Đ23 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan trong vụ án là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm các con của ông Đ23 là bà NTAL7; bà NTTL8, ông NVL9; ông NVT10 và ông NVH11 đã được bổ sung tham gia tố tụng trong vụ án và không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt ông PVT2; ông NSH3; bà NTAL7; Các đương sự khác xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Gia đình ông PVC1 và gia đình ông NSH3 là hàng xóm ở trên hai thửa đất có tiếp giáp với nhau.

Xét về nguồn gốc đất và tranh chấp của các bên đương sự: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 18, diện tích 1076m², tại địa chỉ thôn 8, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội của ông PVC1 có nguồn gốc của ông cha để lại, năm 2007 được UBND huyện TT13 cấp giấy CNQSDĐ số: AH 801261, mang tên ông PVC1 và bà BTN4. Hiện tại ông C1 và bà N4 đang quản lý sử dụng thửa đất trên.

Thửa đất của gia đình ông NSH3 đang sử dụng thuộc thửa số 36 tờ bản đồ số 18 diện tích 101,0 m², tại địa chỉ thôn 8, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội cũng có nguồn gốc của ông cha để lại, đã được UBND huyện TT13 cấp GCNQSDĐ số: AH 777556, ngày 01/8/2007 mang tên ông NVĐ23 và bà BTL5.

Ông Đ23 và bà L5 là bố mẹ đẻ ông NSH3. Hiện tại cụ Đ23 đã mất, vợ chồng ông H3 đang quản lý sử dụng thửa đất trên.

Quá trình sử dụng đất: phía giáp ranh giữa nhà ông PVC1 và ông NSH3: theo các đương sự trình bày và trên thực tế thì có đặc điểm tường chia làm 2 phần, phần cổng và tường xây gạch xây năm 2000 và một phần tường xây bằng đá ong xây từ năm 1987. Ông C1 là người xây dựng bức tường và cổng nêu trên. Hai gia đình sử dụng phần đất của mình theo ranh giới ông C1 xây không có tranh chấp cho đến năm 2018 ông H3 xây dựng trên thửa đất 36 tờ bản đồ số 18 diện tích 101,0 m², tại địa chỉ thôn 8, xã HB12, huyện TT13 thì xảy ra tranh chấp.

UBND xã HB12 đã tiến hành hoà giải vào ngày 28/9/2020 và kết luận: căn cứ vào bản đồ năm 2001 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hai hộ năm 2007 thì nhà ông H3 đã lấn sang nhà ông C1 0,8m². Tuy nhiên, ông H3 không công nhận kết luận này.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào kết quả thẩm định tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2021, đối chiếu với giấy chứng nhận QSDĐ của hai bên đã được UBND huyện TT13 cấp cho hai gia đình thì hiện trạng khu công trình vệ sinh nhà ông H3 đã xây lấn sang phần đất nhà ông C1 tại các điểm 7 - 8 - 9' tạo thành hình tam giác vuông có chiều dài các cạnh từ 7 đến 8 dài 4,22m, từ 8 đến 9' dài 0,33m, từ 9' đến 7 dài 4,19m. Tổng diện tích là 0,7m².

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm ông H3 có đề nghị đo đạc thẩm định lại đối với hai thửa đất và xác định lại phần diện tích đất tranh chấp. Theo kết quả đo đạc và đối chiếu với GCNQSD đất thì thửa đất của gia đình ông PVC1 có diện tích là 1010m² hình thể thửa đất không giống với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể:

Theo giấy chứng nhận QSDĐ của hai bên đã được UBND huyện TT13 cấp thì ranh giới phía Đông Bắc nhà ông C1 tiếp giáp với phía Tây Nam nhà ông H3 là 1 đoạn đường thẳng. Tuy nhiên trên thực tế có đường gấp khúc như đo vẽ (tạo thành hình tam giác vuông có chiều dài các cạnh từ 7 đến 8 dài 4,22m, từ 8 đến 9' dài 0,33m, từ 9' đến 7 dài 4,19m. Tổng diện tích là 0,7m².

Phía Tây bắc giáp nhà ông PVN24 theo giấy chứng nhận có chiều dài là 20,20m tuy nhiên đo thực tế có chiều dài là 20,39 và không còn 4m chiều ngang phía giáp đường trong xóm (Ông C1 trình bày đã cắt làm đường).

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông C1 và ông H3 đều khẳng định ông C1 là người là người xây ranh giới giữa hai nhà. Bức tường đá ong là mốc giới cố định giữa nhà ông C1 và ông PVB25, bức tường này do ông C1 xây từ năm 1987, hai bên không có tranh chấp. Năm 2000 ông C1 tiếp tục xây cổng phía giáp nhà ông NSH3 và so với giấy chứng nhận thì trụ cổng nhà

ông C1 giáp ranh giới nhà ông H3 đã thêm 19cm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C1.

Mặt khác, theo tài liệu có trong hồ sơ, năm 2007 nhà ông PVC1 và ông NVĐ23 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi đó mọi công trình và ranh giới đã tồn tại trên đất từ năm 1987 và năm 2000 các bên không có tranh chấp khiếu kiện gì, đến năm 2018 khi gia đình ông H3 xây dựng công trình các bên mới xảy ra tranh chấp và được hoà giải tại UBND xã HB12.

Toà án nhân dân thành phố đã tiến hành thu thập chứng cứ đề nghị UBND huyện TT13 cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo tài liệu Văn phòng đăng ký đất đai huyện TT13 cung cấp thì không có biên bản ký giáp ranh giữa hai thửa đất nhà ông C1 và ông Đ23. Như vậy, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận UBND huyện TT13 đã không căn cứ vào thực tế để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng ranh giới tồn tại 30 năm, không tranh chấp.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự thì ranh giới giữa hai thửa đất phải được công nhận theo thực tế hoặc ranh giới đã tồn tại 30 năm trở lên, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông C1 và xác định ranh giới, buộc ông H3 phải trả lại 0,7m² đất và phá dỡ công trình xây dựng trên đất của ông H3 là không có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của ông NSH3 sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông PVC1 về việc buộc ông NSH3 phải trả lại 0,8m² đất tại thôn HB12, TT13, Hà Nội và phá dỡ các công trình xây dựng nằm trên phần đất này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định và án phí:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông PVC1 phải chịu 6.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2021. Ông NSH3 tự nguyện chịu 5.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2022.

Về án phí:

- Ông PVC1, ông NSH3 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 160, Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 579 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 97, 100, 170, 209 Luật Đất đai năm 2013

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT13, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông PVC1 đối với ông NSH3 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất xác định ranh giới, tháo dỡ công trình trên đất lấn chiếm.

2. Giữ nguyên hiện trạng ranh giới giữa thửa đất số 51, tờ bản đồ số 18, tại địa chỉ thôn 8, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội của ông PVC1, bà BTN4 và thửa đất số 36 tờ bản đồ số 18, tại địa chỉ thôn 8, xã HB12, huyện TT13, thành phố Hà Nội của ông NVĐ23 và bà BTL5 (có sơ đồ kèm theo).

Gia đình ông NSH3 có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông PVC1 phải chịu số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng chẵn) chi phí xem xét thẩm định tại cấp sơ thẩm ngày 15/12/2021 (xác nhận ông C1 đã thanh toán xong).

Ông NSH3 tự nguyện chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2022 tại cấp phúc thẩm (xác nhận ông H3 đã thanh toán xong).

4. Về án phí: Ông PVC1 và ông NSH3 thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện TT13;
- Chi cục THADS huyện TT13;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA